

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tạm thời hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình
trong ngành Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

~~Căn cứ~~ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11; Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành Giao thông vận tải.

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2013.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế tạm thời hoạt động tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành Giao thông vận tải ban hành theo Quyết định này, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, các Vụ, Viện trực thuộc Bộ, Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành, Sở Giao thông vận tải, chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trực thuộc Bộ GTVT được giao quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Các Tập đoàn kinh tế, TCTy 91, 90;
- TCT ĐTVT đường cao tốc VN (VEC);
- TCT ĐTVT và QLDA hạ tầng GT Cửu Long (CIPM);
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, CQLXD (06).



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1657/SY-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 10 năm 2013

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- K19;
- Lưu: VT (03b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nhuận

Hà nội, ngày tháng 10 năm 2013

QUY CHẾ TẠM THỜI

**Hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
trong ngành Giao thông vận tải**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3473~~ /QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 10 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CHƯƠNG 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, được áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình trong ngành Giao thông vận tải, có nguồn vốn Nhà nước (vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác do Nhà nước quản lý), do Bộ Giao thông vận tải (GTVT) quản lý trong quá trình đầu tư xây dựng.

Đối với những dự án quan trọng quốc gia, dự án với quy mô lớn, có áp dụng công nghệ mới, phức tạp, chưa phổ biến và chưa được quy định trong Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN, TCXD, TCN), ngoài những quy định trong Quy chế này, chủ đầu tư dự án có thể có các quy định cụ thể riêng phù hợp với tính chất, mức độ quan trọng và đặc thù về công nghệ, kỹ thuật của dự án và được coi là một thành phần của hồ sơ hợp đồng.

Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình thì đối chiếu theo các nội dung quy định cụ thể trong Quy chế này để áp dụng cho phù hợp.

Khuyến khích áp dụng Quy chế này đối với các dự án có nguồn vốn khác.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức tư vấn, chủ đầu tư, ban quản lý dự án trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình và hoạt động dịch vụ TVGS xây dựng công trình trong ngành GTVT, bao gồm cả các tổ chức, cá nhân tư vấn giám sát độc lập.

Căn cứ vào quy mô, tính chất của dự án, công trình, chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các đơn vị liên quan đến hoạt động tư vấn giám sát thống nhất áp dụng các

nội dung quy định phù hợp của Quy chế này và đưa vào nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng (tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, thi công xây dựng) để thực hiện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Các công trình xây dựng trong ngành Giao thông vận tải* (sau đây gọi là công trình giao thông) bao gồm các công trình: đường bộ, đường sắt, cầu, hầm, công trình đường thủy nội địa, công trình hàng hải, sân bay.

2. *Tư vấn giám sát (TVGS) thi công xây dựng công trình* là hoạt động dịch vụ tư vấn thực hiện các công việc giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo nội dung hợp đồng ký kết với chủ đầu tư. Giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát công tác thi công xây dựng và công tác lắp đặt thiết bị đối với các công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp, phá dỡ, bảo hành, bảo trì công trình.

3. *Nhà thầu TVGS thi công xây dựng công trình* (sau đây gọi là nhà thầu tư vấn giám sát) là tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn, có đủ năng lực thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định khi tham gia hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình.

4. *Cá nhân giám sát thi công xây dựng công trình* là người thuộc tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng hoặc người hành nghề độc lập về giám sát thi công xây dựng công trình.

5. *Tư vấn giám sát trưởng* là người thuộc tổ chức tư vấn thực hiện hợp đồng dịch vụ TVGS, được tổ chức tư vấn lựa chọn, giao nhiệm vụ và quyền hạn bằng văn bản có hiệu lực pháp lý; là người đại diện hợp pháp của tổ chức tư vấn giám sát tại hiện trường.

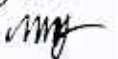
6. *Kỹ sư tư vấn giám sát thường trú* (sau đây gọi là kỹ sư thường trú) là người thuộc tổ chức tư vấn, đại diện cho Tư vấn giám sát trưởng, quản lý nhóm tư vấn giám sát, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tư vấn giám sát trong phạm vi công việc được tư vấn giám sát trưởng ủy quyền. Kỹ sư thường trú do Tổ chức tư vấn xem xét, chấp thuận theo đề xuất của TVGS trưởng.

7. *Kỹ sư tư vấn giám sát chuyên ngành* (sau đây gọi là kỹ sư chuyên ngành) là người thuộc tổ chức tư vấn, có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành và chứng chỉ hành nghề phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ tư vấn giám sát xây dựng của dự án, công trình.

8. *Giám sát viên* là người thuộc tổ chức tư vấn, có chứng chỉ hành nghề phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ tư vấn giám sát xây dựng của dự án, công trình.

9. *Nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng công trình* là tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn, thực hiện khảo sát, thiết kế kỹ thuật (trong thiết kế 3 bước) hoặc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (trong thiết kế 1 bước hoặc 2 bước) theo hợp đồng với chủ đầu tư.

10. *Nhà thầu thi công xây dựng công trình* (sau đây gọi là nhà thầu thi công) là



tổ chức thực hiện công tác thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của các công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo nâng cấp, phá dỡ, bảo hành, bảo trì công trình và các nghĩa vụ liên quan khác theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

11. *Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình* là giấy xác nhận năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình của cá nhân, được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định (sau đây gọi là chứng chỉ).

Điều 3. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát

Các tổ chức tham gia thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công các dự án xây dựng công trình trong ngành Giao thông vận tải phải được lựa chọn thông qua các hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu tư vấn giám sát

1. Chấp hành nghiêm chỉnh quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định của pháp luật về xây dựng, các quy định khác có liên quan và quy định của chính quyền địa phương. Tổ chức và thực hiện nhiệm vụ, tuân thủ hợp đồng và quy định hiện hành.

2. Không có quan hệ lệ thuộc về tổ chức, kinh doanh với nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu chế tạo thiết bị và cung cấp cấu kiện, vật liệu, vật tư cho công trình đang thực hiện giám sát xây dựng.

3. Tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư thường trú, kỹ sư chuyên ngành và giám sát viên đều phải là người thuộc tổ chức nhân sự chính thức và hợp pháp của nhà thầu tư vấn thực hiện giám sát thi công xây dựng theo quy định (Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 và các quy định liên quan khác). Trường hợp ký hợp đồng lao động thì phải là hợp đồng lao động không thời hạn hoặc có thời hạn tối thiểu bằng thời gian hoàn thành dự án thực hiện giám sát, nhưng không nhỏ hơn 12 tháng.

4. Các nhà thầu: thi công xây dựng công trình; cung cấp, chế tạo thiết bị, cấu kiện; cung cấp vật liệu, vật tư của công trình và các nhà thầu phụ khác của nhà thầu thi công đều chịu sự giám sát, kiểm tra của nhà thầu tư vấn giám sát.

5. Không ký hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với chủ đầu tư đối với công trình do mình lập thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, trừ trường hợp đặc biệt do Người quyết định đầu tư cho phép.

6. Không ký hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng thực hiện thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với công trình do mình giám sát.

7. Đảm nhiệm công việc giám sát thi công xây dựng một cách độc lập; không được chuyển nhượng hoặc để những tổ chức tư vấn khác thực hiện dưới danh nghĩa tổ chức tư vấn giám sát của mình để làm công việc giám sát thi công xây dựng.

8. Thực hiện đúng các nội dung hợp đồng giám sát thi công xây dựng đã ký với chủ đầu tư; không thực hiện, xử lý, giải quyết các vấn đề không đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong hợp đồng và các quy định liên quan khác.

9. Chịu sự quản lý, giám sát của chủ đầu tư, định kỳ phải báo cáo tình hình

giám sát thi công xây dựng cho chủ đầu tư theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc làm việc của người giám sát thi công xây dựng

1. Nắm vững và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật nói chung, pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng nói riêng và các quy định, đặc thù của địa phương nơi có dự án công trình xây dựng đang triển khai.

2. Giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, các chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

3. Phản ánh đúng tình hình thi công xây dựng, kịp thời giải quyết vấn đề trên hiện trường.

4. Tuân thủ các yêu cầu và chỉ đạo của Tổ chức TVGS và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Tiếp thu ý kiến của nhà thầu thi công và ý kiến của giám sát cộng đồng để kịp thời giải quyết cho phù hợp theo quy định.

CHƯƠNG 2

NHIỆM VỤ, NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 6. Nhiệm vụ của nhà thầu tư vấn giám sát

1. Bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo quy định tại các Điều 40, 51 và Điều 54 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ, đồng thời phù hợp với hồ sơ hợp đồng.

2. Lập đề cương chi tiết thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình. Nội dung đề cương giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm: Sơ đồ tổ chức hệ thống giám sát thi công; văn phòng giám sát tại hiện trường; nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung công việc thực hiện của mỗi chức danh giám sát; hệ thống quản lý chất lượng và kế hoạch, quy trình kiểm soát chất lượng; quy trình kiểm tra, nghiệm thu, phương pháp quản lý các tài liệu, hồ sơ; nội dung cần thiết khác liên quan đến giám sát xây dựng công trình.

Nội dung đề cương chi tiết phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ hợp đồng và phải được chủ đầu tư chấp thuận trước khi tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

3. Bố trí các văn phòng giám sát tại hiện trường đảm bảo có đủ diện tích làm việc, đủ thiết bị văn phòng, bàn ghế, tủ, trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác giám sát thi công xây dựng; trang bị đồng phục và đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn lao động trong thời gian thực hiện nhiệm vụ (ghi rõ tên nhà thầu tư vấn giám sát, người giám sát thi công xây dựng). Lập hồ sơ theo dõi công tác giám sát thi công hàng ngày cho từng văn phòng và vị trí giám sát để làm cơ sở theo dõi, đánh giá thực hiện và đối chiếu với nhật ký thi công khi cần thiết. *N*

4. Thực hiện chức năng giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn cho chủ đầu tư trong quản lý, theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, giá thành xây dựng, an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng thi công xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và các điều kiện kỹ thuật liên quan của công trình.

5. Nghiệm thu các công việc do Nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo quy định và yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

6. Thực hiện các nội dung công việc liên quan khi có yêu cầu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước trong quá trình thực hiện dự án và khi quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

7. Chủ trì và phối hợp với nhà thầu thi công để thống nhất (về quy cách, nội dung) và lập các loại biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công, phiếu đề xuất lệnh thay đổi (điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán...), các loại văn bản khác liên quan đến quá trình thi công và quản lý chất lượng thi công, trình chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi thi công để áp dụng thống nhất.

Điều 7. Hệ thống quản lý chất lượng thực hiện giám sát thi công xây dựng của nhà thầu tư vấn giám sát

1. Nhà thầu tư vấn giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và tổ chức văn phòng giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của từng dự án, công trình, cụ thể:

a) Trong mỗi dự án phải bố trí các văn phòng TVGS, bao gồm văn phòng chính và các văn phòng hiện trường. Đối với các dự án nhóm A nhưng có nhiều nhà thầu TVGS cùng tham gia hoặc các dự án nhóm B, C, văn phòng chính có thể kiêm nhiệm vụ của một văn phòng hiện trường. Tùy theo mức độ phức tạp và quy mô của từng dự án và từng gói thầu mà bố trí số lượng văn phòng hiện trường để mỗi văn phòng hiện trường có thể quản lý từ 1-3 gói thầu (tương ứng với 1- 3 nhóm giám sát gói thầu). Mỗi văn phòng phải có ít nhất: 01 kỹ sư chuyên ngành phù hợp, 01 kỹ sư vật liệu, 01 kỹ sư kinh tế xây dựng hoặc kinh tế và các kỹ sư chuyên ngành khác tùy thuộc vào quy mô, tính chất đặc điểm và khối lượng thực hiện của dự án, gói thầu.

b) Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng, mỗi gói thầu phải bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng (dự án, gói thầu) và phải được chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được chủ đầu tư ủy quyền phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của tư vấn giám sát trưởng.

c) Số lượng và cơ cấu nhân sự trong văn phòng chính bao gồm:

- Tư vấn giám sát trưởng;

- Bộ phận chuyên môn: kỹ sư chuyên ngành xây dựng (công trình dân dụng, công nghiệp, cầu, đường bộ, cảng, đường sắt...) phù hợp với loại công trình trong dự án đầu tư xây dựng; 

- Kỹ sư chuyên ngành khác: vật liệu, địa chất công trình, thủy văn, môi trường, cấp điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, cơ điện, thông tin, tín hiệu, an toàn giao thông...;

- Kỹ sư quản lý khối lượng, đơn giá và giá thành: kỹ sư, cử nhân kinh tế xây dựng chuyên ngành, kinh tế...;

- Bộ phận văn phòng: các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu.

d) Số lượng và cơ cấu nhân sự trong văn phòng hiện trường bao gồm:

- Kỹ sư thường trú;

- Bộ phận chuyên môn: kỹ sư chuyên ngành xây dựng phù hợp loại công trình, hạng mục công trình của các gói thầu được giao;

- Kỹ sư chuyên ngành khác: vật liệu, địa chất công trình, thủy văn, môi trường, cấp điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, cơ điện, thông tin, tín hiệu, an toàn giao thông...;

- Nhóm giám sát gói thầu: các giám sát viên phù hợp chuyên ngành và tính chất công trình, hạng mục công trình của các gói thầu được giao;

- Kỹ sư quản lý khối lượng, đơn giá và giá thành: kỹ sư, cử nhân kinh tế xây dựng chuyên ngành, kinh tế...;

- Bộ phận văn phòng: các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu.

đ) Trong quá trình thực hiện giám sát xây dựng công trình, các vị trí tư vấn thay thế, điều chỉnh phải có sự chấp thuận của chủ đầu tư.

2. Tài liệu thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng phải thể hiện rõ nội dung:

a) Nhiệm vụ, nghĩa vụ, quyền hạn chung của nhà thầu tư vấn giám sát.

b) Sơ đồ tổ chức phải nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư thường trú, kỹ sư chuyên ngành và giám sát viên; nhiệm vụ và quyền hạn của văn phòng giám sát chính và văn phòng hiện trường.

c) Kế hoạch và phương thức kiểm soát chất lượng, tiến độ, khối lượng và giá thành xây dựng công trình, an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường:

- Đề cương kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ được sử dụng, lắp đặt vào công trình.

- Đề cương kiểm soát và đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Đề cương kiểm soát khối lượng hoàn thành, định mức và đơn giá (nếu được chủ đầu tư yêu cầu).

- Công tác giám sát kiểm tra nội bộ hoạt động của các văn phòng giám sát.

- Kế hoạch kiểm tra, phúc tra thí nghiệm và kiểm định chất lượng; quan trắc,

đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế.

d) Quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ; lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) tình hình thực hiện dự án gửi chủ đầu tư; phát hành và xử lý các văn bản thông báo ý kiến của nhà thầu thi công xây dựng, kiến nghị và khiếu nại với chủ đầu tư và các bên có liên quan; quy trình tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp trên có thẩm quyền theo quy định; quy trình tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu thiết kế xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng công trình xử lý theo các kết quả kiểm tra, kiểm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

Điều 8. Yêu cầu và nội dung tư vấn giám sát về chất lượng thi công

1. Yêu cầu của công tác tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng:

a) Phòng tránh, ngăn ngừa, khống chế, quản lý rủi ro, không để xảy ra những ảnh hưởng xấu đến chất lượng xây dựng công trình.

b) Phải thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ và nội dung giám sát, kiểm tra phù hợp yêu cầu về nội dung công việc và tiến độ thi công của nhà thầu thi công; phải đảm bảo yêu cầu vừa giám sát, kiểm tra chặt chẽ vừa phối hợp và hướng dẫn các nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp phòng tránh hoặc giải quyết, xử lý tốt các vấn đề trong quá trình thi công, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu chất lượng theo quy định.

c) Kiểm soát chặt chẽ và tư vấn cho chủ đầu tư trong việc kiểm định chất lượng khi có nghi ngờ hoặc đối với công trình sử dụng công nghệ mới, vật liệu mới, kết cấu mới.

2. Nội dung thực hiện tư vấn giám sát về chất lượng thi công xây dựng:

2.1. Kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế và công tác chuẩn bị thi công của nhà thầu thi công, cụ thể:

a) Kiểm tra, rà soát lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định.

b) Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra, rà soát, ký xác nhận thiết kế bản vẽ thi công do nhà thầu lập (bao gồm cả tổng mặt bằng công trường của nhà thầu, tiến độ thi công tổng thể, chi tiết...) và trình chủ đầu tư phê duyệt (trừ các trường hợp việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư giao cho đơn vị tư vấn khác thực hiện).

c) Căn cứ các hồ sơ thiết kế (kỹ thuật, bản vẽ thi công) đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, thẩm tra, rà soát và có ý kiến trình chủ đầu tư xem xét quyết định; thực hiện kiểm tra,

theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của nhà thầu; thẩm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công và dự toán của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được chủ đầu tư, ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với nội dung và điều kiện quy định trong hồ sơ hợp đồng.

d) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 của Luật Xây dựng.

đ) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác).

e) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công: hệ thống tổ chức các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ); phương pháp, quy trình kiểm soát chất lượng, các quy định cụ thể đối với từng bộ phận trong hệ thống quản lý chất lượng.

g) Kiểm tra và xác nhận báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu thi công theo quy định trong hồ sơ hợp đồng, bao gồm cả chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực đối với các thiết bị thí nghiệm; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên.

2.2. Kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công:

a) Giám sát chất lượng vật liệu, cấu kiện, thiết bị, sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) cần thiết cung cấp cho dự án, công trình tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển ngay khỏi công trường.

b) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, chế tạo và bảo dưỡng, bảo quản mẫu, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu (nếu cần thiết) và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

c) Kiểm tra phương pháp, trình tự thi công của nhà thầu thi công đối với từng hạng mục công trình, công trình (bao gồm cả các hạng mục, công trình phụ trợ: đà giáo, ván khuôn...) đảm bảo tuân thủ biện pháp thi công do cấp có thẩm quyền đã phê duyệt theo quy định.

d) Kịp thời kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng công việc, hạng mục công trình, công trình theo đúng quy định trong hợp đồng, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định hiện hành ngay khi có thư yêu cầu từ nhà thầu thi công, không được chậm trễ hoặc tự ý kéo dài thời gian xử lý mà không báo cáo chủ đầu tư.

đ) Khi phát hiện nhà thầu có vi phạm, sai phạm (sai sót thi công, khuyết tật, hư

hông nhỏ, cục bộ) trong quá trình thi công về chất lượng, an toàn... phải yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công và khắc phục ngay hoặc thực hiện đúng hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Sau khi tạm dừng thi công, phải thông báo ngay cho chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét quyết định.

e) Khi phát hiện hoặc xảy ra các sự cố hư hỏng các bộ phận công trình, phải tạm đình chỉ thi công và lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành và báo cáo ngay với chủ đầu tư. Tùy theo mức độ sự cố, thẩm tra giải pháp khắc phục theo đề xuất của nhà thầu thi công hoặc phối hợp với nhà thầu để đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả, trình chủ đầu tư xem xét, giải quyết theo quy định.

g) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành.

h) Xác nhận bằng biên bản hoặc văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt.

Điều 9. Quản lý, giám sát thực hiện tiến độ thi công

1. Căn cứ theo bảng tiến độ thi công tổng thể, rà soát tiến độ chi tiết do Nhà thầu lập trình Chủ đầu tư phê duyệt. Kiểm tra thường xuyên việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình thi công đối với từng hạng mục công việc, hạng mục công trình và công trình đảm bảo phù hợp với tiến độ đã quy định. Trường hợp tiến độ thi công thực tế của một hoặc một số hạng mục công việc, công trình bị chậm so với tiến độ chi tiết, cần yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng thể của gói thầu, dự án, báo cáo chủ đầu tư xem xét chấp thuận; đồng thời kiểm tra đơn đốc đảm bảo tiến độ yêu cầu khi điều chỉnh.

2. Phối hợp với nhà thầu thi công để đề xuất hoặc kiểm soát đề xuất của nhà thầu thi công về các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công trên nguyên tắc không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý.

3. Trường hợp tổng tiến độ của thi công gói thầu, dự án bị kéo dài so với quy định của hợp đồng, thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công và các yếu tố khách quan khác, báo cáo chủ đầu tư bằng văn bản để chủ đầu tư xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của hợp đồng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của hợp đồng hoặc dự án theo quy định.

4. Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công tối thiểu 01 lần một tháng; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

5. Xác nhận việc kéo dài hoặc rút ngắn tiến độ của nhà thầu thi công làm cơ sở để chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền xem xét việc thưởng, phạt hoặc các hình

thức xử lý theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giám sát về khối lượng và giá thành xây dựng công trình

1. Kiểm tra xác nhận, nghiệm thu về: khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu thi công lập và trình, giá trị vật tư trên công trường hoặc giá trị bán thành phẩm (nếu có); đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng.

2. Căn cứ tình hình thực tế thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt, điều kiện hợp đồng, xem xét đề xuất của nhà thầu xây lắp, đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời chủ đầu tư về: khối lượng phát sinh có trong hợp đồng gốc, khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng gốc, do các thay đổi về phạm vi công việc và thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của chủ đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

3. Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh giá, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của chủ đầu tư trong việc lập, thẩm tra dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cùng tham gia với chủ đầu tư thương thảo phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng. Đề xuất với chủ đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

Điều 11. Giám sát thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

1. Kiểm tra hồ sơ thiết kế về tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường khi thi công xây dựng của nhà thầu.

2. Kiểm tra hệ thống quản lý kiểm soát của nhà thầu thi công về công tác an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường; kiểm tra việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu.

3. Thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời việc triển khai tại hiện trường của nhà thầu thi công về: bố trí các phương tiện, dụng cụ, thiết bị thi công, phương pháp thi công...phù hợp với hồ sơ được duyệt; những biện pháp đảm bảo an toàn lao động (biện pháp phòng hộ, dụng cụ bảo hộ lao động, chế độ, thời gian làm việc...), biện pháp đảm bảo an toàn giao thông (bố trí lực lượng cảnh giới, hướng dẫn, các biển báo, rào chắn, đèn tín hiệu cảnh giới...) và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy nổ, trong quá trình thi công theo đúng quy định, đặc biệt là đối với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình giao thông đang khai thác.

4. Tạm dừng thi công khi nhà thầu thi công có dấu hiệu vi phạm về an toàn lao

động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, đồng thời yêu cầu, hướng dẫn nhà thầu thực hiện các biện pháp khắc phục. Chỉ cho phép tiếp tục thi công khi các điều kiện nêu trên đảm bảo quy định. Báo cáo với chủ đầu tư để quyết định đình chỉ thi công xây dựng hoặc chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng với nhà thầu thi công xây dựng không đáp ứng yêu cầu.

5. Trường hợp xảy ra sự cố lớn về an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ tiến hành lập biên bản, tạm đình chỉ thi công, đồng thời có văn bản báo cáo và đề xuất với chủ đầu tư biện pháp xử lý, làm cơ sở để chủ đầu tư báo cáo và phối hợp với các cơ quan chức năng về an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng xử lý, khắc phục theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép nhằm đảm bảo yêu cầu tiến độ.

Điều 12. Những nội dung thực hiện khác của TVGS trong quá trình thi công

1. Xác nhận, đánh giá kết quả thực hiện hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công công trình.

2. Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần tập trung báo cáo bao gồm:

a) Tình hình thực hiện dự án của nhà thầu thi công: huy động lực lượng (nhân lực, vật tư, thiết bị); công tác giải phóng mặt bằng; khối lượng, giá trị khối lượng công việc thực hiện, giá trị khối lượng được xác nhận giải ngân, thanh toán... đánh giá kết quả thực hiện so với yêu cầu kế hoạch, tiến độ;

b) Tình hình tạm ứng, giải ngân, thanh toán;

c) Những tồn tại và yêu cầu nhà thầu điều chỉnh, khắc phục...;

d) Tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn);

đ) Các đề xuất, kiến nghị cụ thể của TVGS...

3. Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, thẩm định, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và chủ đầu tư.

4. Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt.

5. Tham gia thành phần hội đồng nghiệm thu theo quy định.

6. Phối hợp chặt chẽ với các thành phần của giám sát cộng đồng; tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 13. Giám sát trong giai đoạn bảo hành

1. Kiểm tra tình trạng công trình xây dựng, phát hiện hư hỏng để yêu cầu nhà thầu thi công, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xác định nguyên nhân, đề xuất giải pháp sửa chữa, thay thế; rà soát và báo cáo chủ đầu tư, ban quản lý dự án xem

xét, chấp thuận về nguyên nhân hư hỏng, giải pháp sửa chữa, khắc phục, thay thế của các nhà thầu thi công, cung ứng thiết bị.

2. Giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng.

3. Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình.

CHƯƠNG 3

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 14. Quyền hạn của nhà thầu tư vấn giám sát

1. Nghiệm thu khối lượng công trình đã thi công đảm bảo chất lượng, theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và đảm bảo các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, các quy trình, quy phạm hiện hành.

2. Yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư.

3. Kiểm tra và đề xuất với chủ đầu tư về những điểm bất hợp lý cần thay đổi hoặc điều chỉnh (nếu có) đối với bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ hợp đồng và các vấn đề khác theo quy định.

4. Đình chỉ việc sử dụng vật liệu, vật tư, cấu kiện không đúng tiêu chuẩn, không đảm bảo chất lượng mang đến công trường, đồng thời yêu cầu đưa ra khỏi công trường và khắc phục kịp thời.

5. Tạm dừng thi công và yêu cầu nhà thầu thi công chấn chỉnh, khắc phục ngay khi phát hiện nhà thầu bố trí nhân lực, thiết bị thi công không đáp ứng đúng số lượng, chủng loại, năng lực theo quy định của hồ sơ hợp đồng đã ký với chủ đầu tư.

6. Đình chỉ thi công và báo cáo chủ đầu tư khi phát hiện nhà thầu thi công: không thi công theo đúng hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật được duyệt, hoặc không đúng quy trình quy phạm, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, dự án; thực hiện biện pháp thi công không đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường hoặc gây ảnh hưởng đến an toàn của công trình lân cận.

7. Người làm công tác tư vấn giám sát được trang bị những trang, thiết bị cần thiết cho hoạt động tư vấn giám sát, bao gồm cả thiết bị, dụng cụ kiểm tra chất lượng thi công của nhà thầu thi công đối với các hạng mục công việc, công trình tùy theo yêu cầu của hợp đồng và đặc thù của công trình, dự án.

8. Bảo lưu các ý kiến đối với công việc do mình đảm nhiệm giám sát.

9. Từ chối những yêu cầu bất hợp lý làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, dự án, trình tự thủ tục theo quy định hoặc không thuộc phạm vi, nội dung quy định

của hợp đồng.

10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn giám sát

1. Thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về những công việc thực hiện của tổ chức mình theo hợp đồng đã ký kết. Không sử dụng tư cách pháp nhân của nhà thầu khác hoặc không cho nhà thầu khác sử dụng tư cách pháp nhân của mình để tham gia đấu thầu và ký hợp đồng thực hiện tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

2. Trình chủ đầu tư sơ đồ tổ chức và danh sách bố trí lực lượng tư vấn giám sát, đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định của hợp đồng, trong đó có chức danh tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư trưởng, kỹ sư chuyên ngành và các thành phần giám sát khác phù hợp với yêu cầu của hồ sơ hợp đồng đã ký kết.

Việc bố trí lực lượng tư vấn giám sát phải đảm bảo phù hợp với năng lực và phạm vi hoạt động của tổ chức nhà thầu tư vấn ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật về lĩnh vực, chuyên ngành được tham gia hoạt động tư vấn giám sát. Chỉ được bố trí người có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát hợp pháp và đủ điều kiện năng lực theo quy định để đảm nhiệm các vị trí tư vấn giám sát.

3. Thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo các nội dung quy định từ Điều 6 đến Điều 13 của Quy chế này và các nội dung liên quan khác thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ khác của tư vấn giám sát.

4. Từ chối nghiệm thu khi: nhà thầu thi công không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng; có những yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình hoặc không đúng trình tự thủ tục theo quy định hoặc nằm ngoài phạm vi quy định của hợp đồng.

5. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

6. Không thông đồng với nhà thầu thi công, chủ đầu tư và có các hành vi khác làm sai lệch kết quả giám sát hoặc nghiệm thu các khối lượng công việc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng theo quy định.

7. Bồi thường thiệt hại khi: cố ý làm sai lệch hoặc che giấu, không báo cáo với chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền về kết quả giám sát đối với những khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật của công trình, dự án; có các hành vi gây thiệt hại cho công trình dự án và các vi phạm khác theo quy định.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Tư vấn giám sát trưởng

1. Tư vấn giám sát trưởng là người trực tiếp quản lý, điều hành đơn vị tư vấn giám sát tại hiện trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ quy định

trong Quy chế này và các điều khoản hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu tư vấn giám sát với chủ đầu tư.

Tư vấn giám sát trường có các nhiệm vụ chính sau đây:

a) Tổ chức soạn thảo đề cương chi tiết thực hiện nhiệm vụ TVGS, lập kế hoạch, tiến độ giám sát thi công và nghiệm thu từng công tác xây dựng, báo cáo nhà thầu tư vấn giám sát xem xét xác nhận để trình chủ đầu tư chấp thuận thực hiện.

b) Xác định cơ cấu nhân lực thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình và chức năng các thành viên; thành lập văn phòng chính và các văn phòng hiện trường; phân công công việc cho các văn phòng và các thành viên của các văn phòng đó.

c) Báo cáo trực tiếp tới chủ đầu tư và thông báo cho các đơn vị liên quan về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của từng thành viên các văn phòng, đề cương, trình tự thực hiện, kế hoạch, tiến độ giám sát thi công và nghiệm thu từng công tác xây dựng.

d) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và nội dung hợp đồng TVGS được nhà thầu tư vấn giao.

đ) Chịu trách nhiệm chính báo cáo chủ đầu tư về các nội dung sau:

- Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định.
- Kiểm tra năng lực các nhà thầu phụ mà tổng thầu hoặc nhà thầu chính chọn.
- Kiểm tra thiết kế tổ chức thi công, phương án kỹ thuật thi công và kế hoạch tiến độ thi công.

- Thẩm tra danh mục vật liệu, thiết bị cùng quy cách và chất lượng mà nhà thầu thi công xây dựng đưa ra trong hợp đồng thi công xây dựng.

- Kiểm tra chất lượng của vật liệu, cấu kiện và thiết bị, kiểm tra biện pháp an toàn phòng cháy.

e) Tổ chức kiểm tra tiến độ thi công, chất lượng thi công; nghiệm thu công việc, giai đoạn xây dựng, bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình; ký chứng từ thanh toán.

g) Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện của các nhóm, các thành viên tư vấn giám sát theo nội dung hợp đồng tư vấn giám sát đã ký với chủ đầu tư.

h) Đề xuất chủ trương hoặc báo cáo nhà thầu tư vấn đề xuất đối với các vấn đề kỹ thuật phức tạp, quan trọng.

i) Xem xét và phê chuẩn báo cáo của kỹ sư thường trú.

j) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình.

k) Tổng hợp và lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư.

l) Cung cấp cho chủ đầu tư tất cả tài liệu phân tích về đền bù, tranh chấp chất lượng; đề xuất ý kiến có tính quyết định về phía người giám sát.

2. Tư vấn giám sát trường có quyền hạn sau đây:



a) Phù quyết các ý kiến, kết quả giám sát của các thành viên khi không thực hiện đúng quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật hồ sơ thiết kế được duyệt.

b) Phù quyết các kiến nghị bất hợp lý của nhà thầu thi công xây dựng.

c) Bố trí, sắp xếp, điều chỉnh (khi thấy cần thiết) về cơ cấu và thành phần nhân sự các bộ phận, nhóm TVGS hiện trường trong phạm vi dự án, công trình được giao thực hiện giám sát xây dựng. Báo cáo và đề xuất với nhà thầu tư vấn việc thay đổi, điều chỉnh nhân sự khi không đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tư vấn giám sát trường có nghĩa vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm chính trước nhà thầu TVGS và chủ đầu tư về quản lý điều hành các văn phòng giám sát tại hiện trường; thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

b) Báo cáo nhà thầu tư vấn giám sát và chủ đầu tư tình hình thực hiện các nội dung liên quan đến giám sát xây dựng tại hiện trường trong các trường hợp: định kỳ theo quy định, khi được yêu cầu, khi thấy cần thiết.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của kỹ sư thường trú

Kỹ sư thường trú có nghĩa vụ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ do tư vấn giám sát trường giao; chịu trách nhiệm trước tư vấn giám sát trường và tổ chức nhà thầu tư vấn.

Điều 18. Nhiệm vụ, trách nhiệm của kỹ sư chuyên ngành và giám sát viên

1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của kỹ sư chuyên ngành:

a) Giúp tư vấn giám sát trường hoặc kỹ sư thường trú.

b) Thực hiện một số hay toàn bộ các công việc sau:

- Thực hiện kiểm tra thiết kế bản vẽ thi công.

- Kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu đã được phê duyệt.

- Kiểm tra chất lượng vật liệu, vật tư, thiết bị công trình, cấu kiện, bán thành phẩm đưa vào công trường; yêu cầu sửa chữa, khắc phục các khuyết tật của các sản phẩm này (nếu có).

- Kiểm tra sự phù hợp vị trí, cao độ, mạng, mốc, bố cục các công trình với thiết kế tổng mặt bằng.

- Kiểm tra việc thực hiện của các nhà thầu thi công xây dựng đối với các yêu cầu của tư vấn giám sát trường hoặc kỹ sư chuyên ngành.

- Xử lý những vướng mắc về kỹ thuật trong quá trình thi công; báo cáo tư vấn giám sát trường hoặc kỹ sư thường trú về những công việc thực hiện, những vướng mắc cần giải quyết trước khi ra quyết định.

- Nghiệm thu chất lượng, khối lượng và ký xác nhận theo phân công của tư vấn giám sát trường khi nhà thầu thi công xây dựng có phiếu yêu cầu.

- Các nhiệm vụ khác do tư vấn giám sát trưởng phân công.
- Bảo quản tất cả các ghi chép về trắc đạc và thí nghiệm, theo dõi tiến độ thực tế.
- Báo cáo tư vấn giám sát trưởng và kỹ sư thường trú thường xuyên và định kỳ.

2. Nhiệm vụ và trách nhiệm của giám sát viên

a) Giám sát và trực tiếp kiểm tra theo dõi quá trình thi công của nhà thầu tại hiện trường về việc thực hiện đúng bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt và tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án, công trình; ghi chép, nhận xét, đánh giá chi tiết tình hình triển khai công việc hàng ngày của nhà thầu thi công vào nhật ký thi công và phải ký ghi rõ họ tên theo quy định.

b) Báo cáo ngay cho kỹ sư thường trú hoặc kỹ sư chuyên ngành và nhắc nhở nhà thầu thi công xây dựng về những sai khác hoặc có nguy cơ sai sót khi thi công so với thiết kế hoặc so với biện pháp thi công được phê duyệt.

c) Phải thường xuyên có mặt tại hiện trường kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở, theo dõi và ghi lại các chi tiết có liên quan đến các hạng mục thi công của nhà thầu theo sự phân công của kỹ sư thường trú.

d) Thường xuyên kiểm tra toàn diện các công tác thi công trên công trường, đối chiếu tiến độ thi công chi tiết các hạng mục công việc, công trình được duyệt và thực tế để kịp thời yêu cầu nhà thầu thi công khắc phục, điều chỉnh hoặc báo cáo kỹ sư chuyên ngành.

đ) Chịu trách nhiệm trước tư vấn giám sát trưởng, kỹ sư thường trú, kỹ sư chuyên ngành và pháp luật về những sai sót do mình gây ra.

CHƯƠNG 4

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC VÀ LỰA CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 19. Điều kiện năng lực và phạm vi hoạt động của tổ chức tư vấn giám sát

1. Tổ chức thực hiện công tác tư vấn giám sát phải có tư cách pháp nhân, có đủ điều kiện năng lực phù hợp với phân cấp, phân loại công trình và công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

2. Phạm vi hoạt động của các tổ chức tư vấn giám sát căn cứ theo xếp hạng năng lực và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ, cụ thể:

a) Hạng 1: được thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, II, III và IV trong dự án xây dựng giao thông.

b) Hạng 2: được thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng công

trình cấp II, III và IV trong dự án xây dựng giao thông.

3. Tổ chức tư vấn phải có hợp đồng lao động với các kỹ sư tư vấn, giám sát viên bố trí cho dự án với các hình thức hợp đồng như sau:

a) Tư vấn giám sát trưởng và kỹ sư thường trú: hợp đồng lao động không thời hạn.

b) Kỹ sư chuyên ngành, giám sát viên (chuyên môn hoặc nghiệp vụ chính): hợp đồng lao động không thời hạn hoặc có thời hạn ít nhất bằng thời hạn thực hiện dự án, nhưng không nhỏ hơn 12 tháng.

Điều 20. Điều kiện để đảm nhiệm vị trí Tư vấn giám sát trưởng

1. Tư vấn giám sát trưởng: có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng công trình giao thông phù hợp; có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình. Tùy theo quy mô cấp hạng và mức độ phức tạp của công trình, Tư vấn giám sát trưởng phải có những tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với mỗi loại dưới đây:

a) Tư vấn giám sát trưởng loại 1:

Có thời gian liên tục làm công tác giám sát xây dựng công trình giao thông tối thiểu 05 năm và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đã là Tư vấn giám sát trưởng của ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 01 công trình cấp I hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 02 công trình cấp II cùng loại.

- Đã là kỹ sư thường trú của ít nhất 02 dự án nhóm A hoặc 02 công trình cấp I cùng loại.

- Đã là chỉ huy trưởng công trường hạng 1 hoặc chủ nhiệm thiết kế hạng 1 theo quy định tại Điều 48 và Điều 52 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

b) Tư vấn giám sát trưởng loại 2: Có thời gian liên tục làm công tác giám sát xây dựng công trình giao thông tối thiểu 03 năm và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đã là kỹ sư thường trú của ít nhất 01 dự án nhóm B hoặc 01 công trình cấp II, hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 02 công trình cấp III cùng loại.

- Đã là chỉ huy trưởng công trường hạng 2 hoặc chủ nhiệm thiết kế hạng 2 theo quy định tại Điều 48 và Điều 52 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Loại 1: được tham gia tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C, công trình các cấp.

b) Loại 2: được tham gia dự án nhóm đến nhóm B, công trình đến cấp II.

Điều 21. Điều kiện để đảm nhiệm vị trí Kỹ sư thường trú

Kỹ sư thường trú: có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng công

trình giao thông phù hợp; có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình phù hợp. Ngoài ra, khi tham gia các dự án, tùy theo quy mô và cấp hạng công trình còn phải có các điều kiện sau:

1. Dự án nhóm A, công trình từ cấp I trở lên: có thời gian liên tục làm công giám sát xây dựng công trình giao thông tối thiểu 03 năm và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đã là Tư vấn giám sát trưởng hạng 2 hoặc kỹ sư thường trú của ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 01 công trình cấp I hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 02 công trình cấp II cùng loại.

- Đã là chủ nhiệm thiết kế hạng 2 hoặc chỉ huy trưởng công trường hạng 2 theo quy định tại Điều 48 và Điều 52 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ.

2. Dự án nhóm B, C, công trình đến cấp II: có thời gian liên tục làm công tác giám sát xây dựng công trình giao thông tối thiểu 02 năm và có một trong các điều kiện sau:

- Đã làm kỹ sư chuyên ngành ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại.

- Đã làm chủ trì thiết kế hạng 1 hoặc phó chỉ huy trưởng (phó giám đốc điều hành) thi công 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B.

Điều 22. Điều kiện để đảm nhiệm vị trí Kỹ sư chuyên ngành

Kỹ sư chuyên ngành: Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình phù hợp và điều kiện khi tham gia các dự án, công trình như sau:

1. Các dự án nhóm A, công trình từ cấp I trở lên: có thời gian liên tục làm tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông tối thiểu 02 năm và có một trong các điều kiện sau :

- Đã tham gia tư vấn giám sát ít nhất 02 dự án nhóm B hoặc 02 công trình cấp II.

- Đã làm chủ trì thiết kế hạng 2 hoặc phó chỉ huy trưởng (phó giám đốc điều hành) thi công 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B.

2. Các dự án nhóm B, công trình đến cấp II: có thời gian liên tục làm tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông tối thiểu 02 năm; đã tham gia tư vấn giám sát ít nhất 01 dự án nhóm B hoặc 01 công trình cấp II cùng loại hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 02 công trình cấp III cùng loại hoặc đã làm công tác thiết kế, thi công xây dựng các công trình xây dựng giao thông từ 05 năm trở lên.

3. Các dự án nhóm C: có thời gian liên tục làm tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giao thông tối thiểu 01 năm hoặc đã làm công tác thiết kế và thi công xây dựng các công trình giao thông liên tục từ 04 năm trở lên.

Điều 23. Giám sát viên

Phải có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng công trình giao thông; đã trực

tiếp thực hiện thiết kế hoặc thi công xây dựng các công trình giao thông liên tục từ 03 năm trở lên hoặc tối thiểu 05 công trình.

Điều 24. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông tại Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài khi hành nghề tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành Giao thông vận tải tại Việt Nam phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ và các quy định tại các điều từ Điều 20 đến Điều 22 của Quy chế này.

CHƯƠNG 5

MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT VỚI CHỦ ĐẦU TƯ, NHÀ THẦU THI CÔNG, NHÀ THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 25. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát với chủ đầu tư

1. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát và chủ đầu tư là quan hệ hợp đồng. Nhà thầu tư vấn giám sát phải thực hiện đúng nội dung trong hợp đồng đã ký và pháp luật hiện hành, đảm bảo trung thực, khách quan, không vụ lợi, đồng thời tư vấn đề chủ đầu tư xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc không đưa ra những yêu cầu bất hợp lý. Chủ đầu tư không được can thiệp làm ảnh hưởng đến tính trung thực, khách quan của nhà thầu tư vấn giám sát.

2. Hợp đồng tư vấn giám sát giữa chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn giám sát phải thể hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên. Phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn giám sát phải được ghi rõ trong hợp đồng, trong đó bao gồm cả phạm vi quyền hạn của tư vấn giám sát trưởng và phải phù hợp với nội dung quyết định hoặc ủy quyền của tổ chức nhà thầu tư vấn, phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 26. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát với nhà thầu thi công

1. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát và nhà thầu thi công là quan hệ giữa người giám sát và người chịu sự giám sát. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư về giám sát xây dựng công trình theo nội dung hợp đồng ký với chủ đầu tư và theo quy định hiện hành.

2. Quan hệ giữa tổ chức tư vấn giám sát và nhà thầu phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Mỗi bên phải tạo điều kiện cho bên kia thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, hợp tác giải quyết khó khăn trong quá trình thực hiện dự án, không gây trở ngại hoặc đưa ra các yêu cầu bất hợp lý cho bên kia. Phát hiện và kịp thời cải tiến các tác nghiệp nghiệp vụ, đặc biệt trong các quy định về nghiệm thu, thanh toán để kịp

thời giải ngân, thúc đẩy tiến độ của dự án (gói thầu).

b) Nhà thầu thi công phải thông báo kịp thời cho tổ chức tư vấn giám sát bằng văn bản về thời gian, vị trí, nội dung công việc bắt đầu thi công, những công việc đã kết thúc thi công theo quy định của hồ sơ hợp đồng và được hệ thống kiểm tra chất lượng nội bộ kiểm tra đánh giá, xác nhận. Văn bản thông báo phải gửi trước cho tổ chức tư vấn giám sát ít nhất 24 giờ.

c) Khi tổ chức tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện các công việc theo đúng hợp đồng xây lắp, nhà thầu phải thực hiện kịp thời và đầy đủ.

d) Tổ chức tư vấn giám sát và nhà thầu thi công cũng như nhân viên của hai bên không được trao đổi bất kỳ lợi ích nào ngoài quy định của hợp đồng hoặc trái với luật pháp.

đ) Trong trường hợp có sự bất đồng giữa tổ chức tư vấn giám sát với nhà thầu thi công mà không tự giải quyết được phải kịp thời báo cáo chủ đầu tư và cơ quan liên quan có thẩm quyền (nếu có) giải quyết.

Điều 27. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát và nhà thầu tư vấn thiết kế

Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát và nhà thầu tư vấn thiết kế là mối quan hệ phối hợp trên cơ sở trao đổi, kiểm tra phát hiện sai sót, bổ sung nhằm hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế đã được duyệt trên cơ sở cập nhật những số liệu cần thiết phù hợp với thực tế trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo quyền giám sát tác giả, cụ thể:

1. Kiểm tra phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế (hồ sơ mời thầu xây lắp) đã được duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Trường hợp có thay đổi lớn về thiết kế (hồ sơ mời thầu xây lắp), tổ chức tư vấn giám sát cần trao đổi với tổ chức tư vấn thiết kế, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 28. Quan hệ giữa nhà thầu tư vấn giám sát với địa phương

Nhà thầu tư vấn giám sát phải quan hệ chặt chẽ với chính quyền và nhân dân địa phương trong việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến dự án trong quá trình xây dựng; tuân thủ pháp luật của Nhà nước, chấp hành các chính sách của địa phương, tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng của nhân dân địa phương; chú trọng việc kiểm tra và tuân thủ các quy định, yêu cầu của cơ quan chức năng địa phương về công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, nhất là đối với các dự án nâng cấp, cải tạo công trình trong ngành GTVT.

CHƯƠNG 6

CHẾ ĐỘ, QUYỀN LỢI CỦA TƯ VẤN GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Chế độ, quyền lợi của người thực hiện công tác tư vấn giám sát

1. Người thực hiện công tác tư vấn giám sát được bố trí nơi ăn nghỉ, văn phòng làm việc, phương tiện đi lại tại hiện trường, bao gồm cả trang thiết bị văn phòng, phương tiện thông tin liên lạc, dụng cụ bảo hộ lao động, những thiết bị cần thiết để kiểm tra các phần việc thi công của nhà thầu. Kinh phí cho các hạng mục nêu trên được tính trong tổng chi phí tư vấn giám sát trong giá trị của hợp đồng giữa chủ đầu tư và tổ chức tư vấn giám sát hoặc chủ đầu tư cung cấp những điều kiện nêu trên nếu trong hợp đồng chưa tính những chi phí này.

2. Thời gian làm việc của người làm công tác tư vấn giám sát thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng và phù hợp với pháp luật lao động. Nếu chủ đầu tư hoặc nhà thầu yêu cầu tư vấn giám sát làm việc thêm giờ trong những giai đoạn thi công cao điểm thì chủ đầu tư hoặc nhà thầu cần thỏa thuận với tổ chức tư vấn giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật lao động về việc trả lương ngoài giờ cho tư vấn giám sát.

3. Trường hợp dự án bị kéo dài thời gian so với tiến độ quy định trong hợp đồng mà không phải do lỗi của tư vấn giám sát thì các chi phí phát sinh cho tư vấn giám sát do thời gian kéo dài được chủ đầu tư xem xét, tổ chức thương thảo và thống nhất để thanh toán phần chi phí bổ sung theo quy định, bao gồm cả chi phí quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện tư vấn giám sát thi công dự án hoặc công trình mà dự án, công trình trong dự án được xét giải thưởng về chất lượng công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ được cộng điểm khi xếp hạng năng lực tư vấn và được ưu tiên trong việc tuyển chọn thực hiện tư vấn giám sát ở các công trình tiếp theo của ngành GTVT.

Điều 30. Xử lý vi phạm, sai phạm

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tư vấn giám sát thi công các dự án, công trình xây dựng trong ngành giao thông, khi có vi phạm, sai phạm, sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của các vi phạm, sai phạm xảy ra, Bộ GTVT còn xem xét, áp dụng các hình thức xử lý sau đây:

1. Cá nhân:

a) Buộc phải thay thế người giám sát nếu: không đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định;

b) Không được tiếp tục giám sát thi công công trình có thời hạn nếu có lỗi vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ như: vi phạm nguyên tắc trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của người giám sát thi công xây dựng, bỏ qua những sai sót của nhà

thầu, lợi dụng quyền hạn để tư lợi, không kịp thời nghiệm thu khi nhận văn bản yêu cầu từ nhà thầu hoặc kéo dài thời gian nghiệm thu và các vi phạm khác nhưng chưa đến mức thu hồi chứng chỉ;

c) Cấm tham gia thực hiện các dự án của ngành GTVT với thời gian tùy theo mức độ vi phạm theo quy định của pháp luật về đấu thầu nếu có sai phạm lớn về nguyên tắc, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của người giám sát thi công xây dựng khi thực hiện nhiệm vụ như: cố ý làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng và chất lượng thi công theo quy định của dự án và pháp luật, bỏ qua những sai sót của nhà thầu, lợi dụng quyền hạn để trục lợi. Các sai phạm và hình thức xử lý sẽ được thông báo bằng văn bản gửi tới các chủ đầu tư của Bộ GTVT và đăng trên Trang thông tin điện tử về đấu thầu, Trang web của Bộ GTVT;

Các chủ đầu tư ngoài ngành GTVT có thể xem xét, sử dụng kết quả xử lý của Bộ GTVT trong quá trình lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia công tác tư vấn giám sát;

d) Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có các vi phạm gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của chủ đầu tư thì phải bồi thường thiệt hại và bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Tập thể:

a) Tổ chức TVGS bị đánh giá là vi phạm hợp đồng đã ký với chủ đầu tư tùy theo mức độ sẽ không được tham gia đấu thầu hoặc chỉ định thầu thực hiện công tác giám sát thi công xây dựng công trình giao thông theo quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tùy mức độ vi phạm, không được thanh toán chi phí TVGS tương ứng với khối lượng công trình bị sai phạm hoặc chịu một phần trách nhiệm đền bù vật chất do thiếu sót trong quá trình giám sát gây nên hư hỏng hoặc sự cố công trình theo quy định của hợp đồng giám sát thi công xây dựng;

c) Bị phạt hợp đồng kinh tế, khấu trừ chi phí giám sát khi bộ phận công trình, công trình kém chất lượng hoặc hư hỏng ở mức xử lý phải phá đi làm lại theo quyết định của chủ đầu tư hoặc theo quy định tại hợp đồng;

d) Cấm tham gia thực hiện các dự án của ngành GTVT với thời gian tùy theo mức độ vi phạm và thông báo bằng văn bản gửi tới các chủ đầu tư, đồng thời đăng tải trên Trang thông tin điện tử về đấu thầu, Trang web của Bộ GTVT.

3. Nhà thầu tư vấn giám sát vi phạm sẽ bị đánh giá giảm trừ năng lực, xếp hạng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về đánh giá năng lực và xếp hạng các tổ chức tư vấn ngành Giao thông vận tải.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông:

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

b) Được quyền kiểm tra, yêu cầu và xử lý các vi phạm, sai phạm sau:

- Yêu cầu các đơn vị liên quan khắc phục xử lý các vi phạm, sai phạm về chất

lượng nhưng chưa đến mức phải phá dỡ.

- Yêu cầu và bắt buộc chủ đầu tư, Ban QLDA xử lý TVGS khi phát hiện vi phạm, sai phạm quy định tại Điểm a) và Điểm b) Khoản 1 Điều 30 của Quy chế này.

c) Báo cáo, đề xuất để Bộ GTVT xem xét, quyết định xử lý các vi phạm, sai phạm sau:

- Các vi phạm, sai phạm về chất lượng đối với bộ phận công trình, công trình đến mức phải phá dỡ làm lại.

- Các vi phạm, sai phạm còn lại không thuộc phạm vi xử lý của điểm a và điểm b khoản 1 quy định tại Điều 30 của Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết.

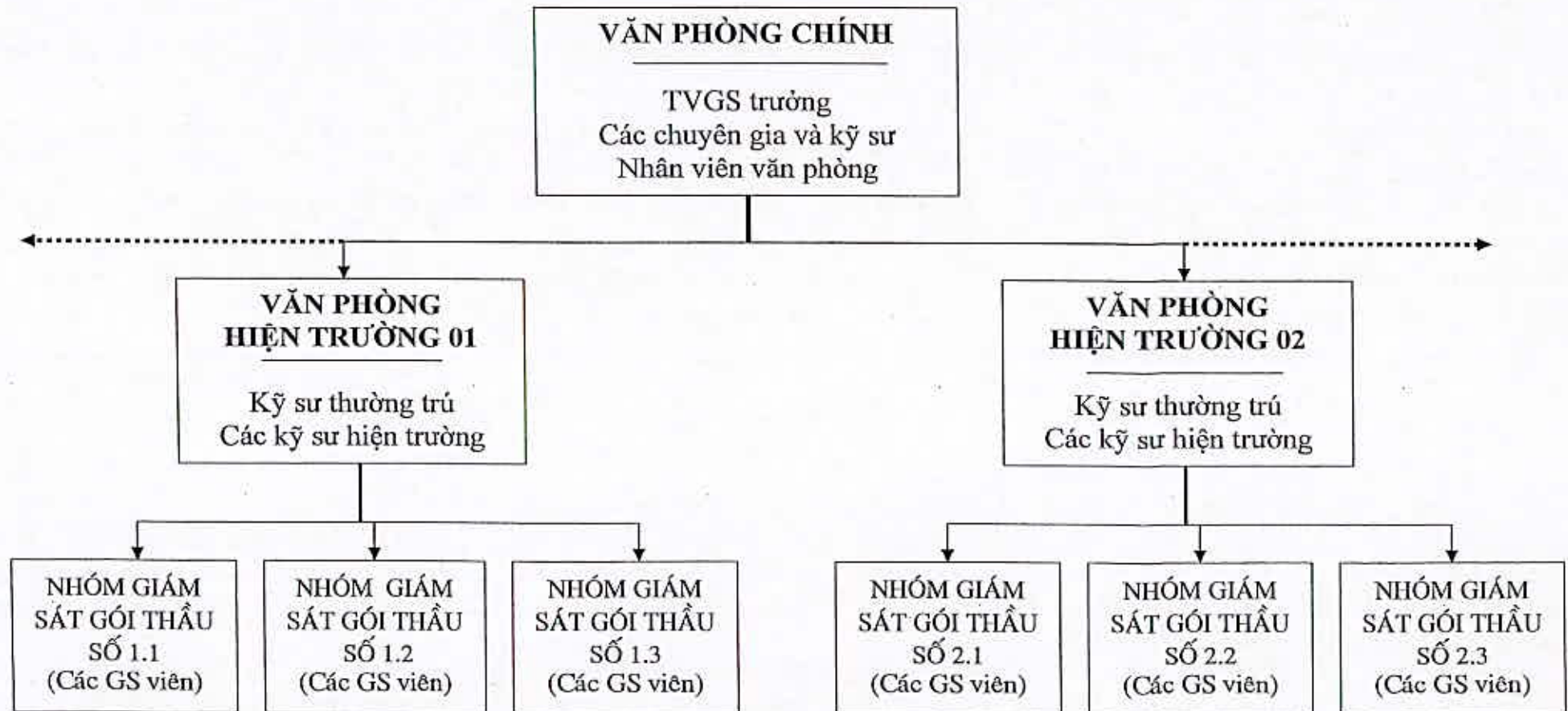

BỘ TRƯỞNG


Đinh La Thăng

PHỤ LỤC

I. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VĂN PHÒNG TVGS ĐỐI VỚI DỰ ÁN XDGT NHÓM A (CHUYÊN NGÀNH ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT, CẦU, CẢNG ...)

A. Sơ đồ bố trí các văn phòng TVGS



B. Cơ cấu nhân sự văn phòng TVGS dự án XDGT

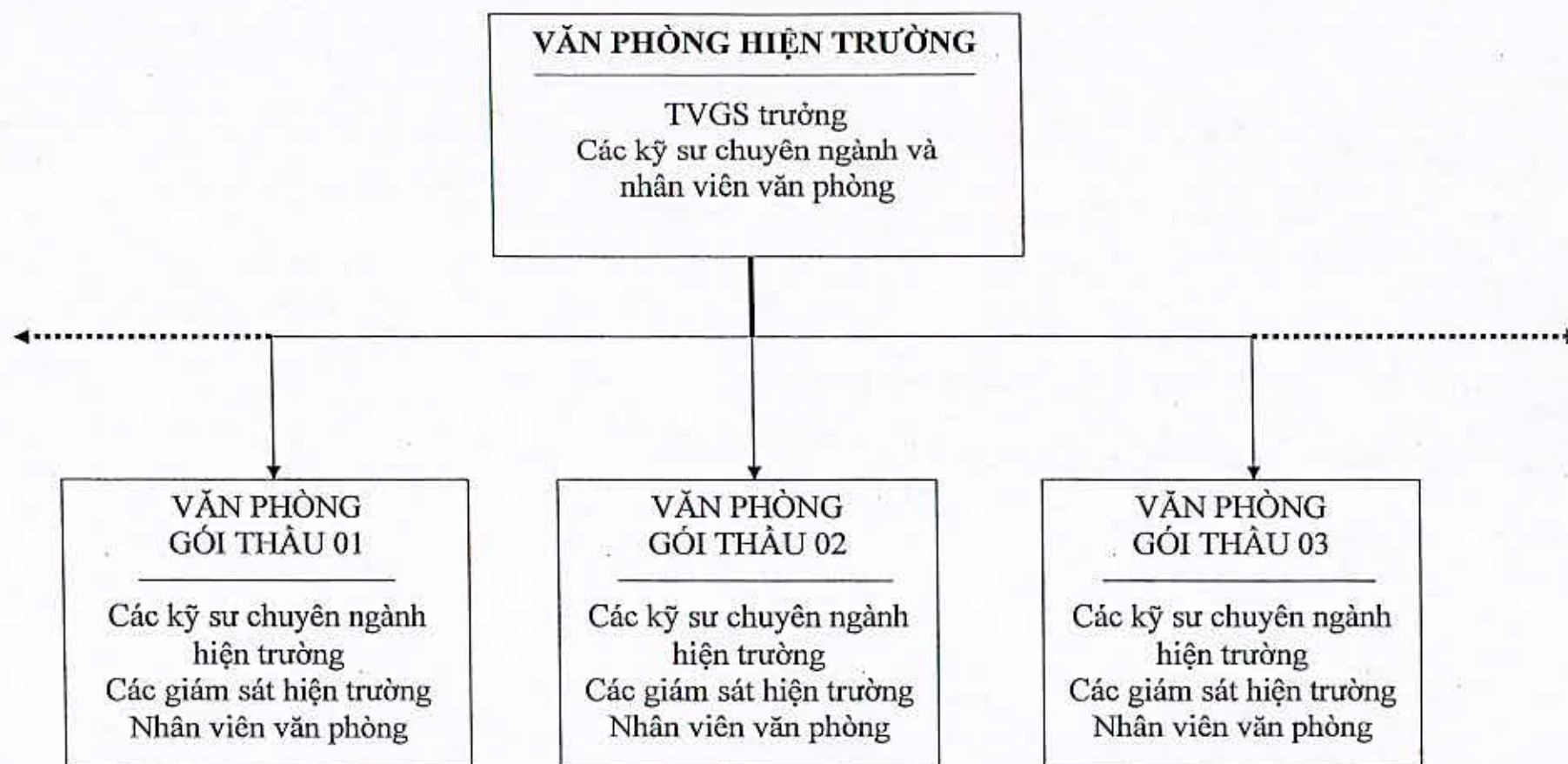
VĂN PHÒNG CHÍNH	VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỞNG
1. TVGS trưởng (Giám đốc điều hành DA) 2. Bộ phận chuyên môn : - Kỹ sư chuyên ngành XD công trình giao thông (cầu, đường bộ, cảng, đường sắt, xây dựng dân dụng) phù hợp với loại công trình trong Dự án. - Kỹ sư chuyên ngành khác: kỹ sư vật liệu, địa chất, thủy văn, môi trường, an toàn giao thông, điện, thông tin, tín hiệu. - Kỹ sư quản lý khối lượng, chi phí tài liệu: kỹ sư kinh tế, kỹ sư kinh tế XD) 3. Bộ phận văn phòng: Các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu	1. Kỹ sư thường trú 2. Bộ phận chuyên môn : - Kỹ sư chuyên ngành XD công trình phù hợp loại công trình, hạng mục của các gói thầu được giao - Kỹ sư chuyên ngành khác: Kỹ sư vật liệu, Kỹ sư chuyên ngành khác (nếu cần). - Kỹ sư quản lý khối lượng, giá thành, tài liệu. 3. Bộ phận văn phòng : Các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu. 4. Nhóm giám sát gói thầu Các Giám sát viên chuyên ngành, phù hợp tính chất công trình, hạng mục của các gói thầu được giao.

Ghi chú :

1. Nguyên tắc điều hành Dự án theo hình thức Giám đốc điều hành Dự án (PM).
2. Đối với dự án nhóm A, quy định bắt buộc phải bố trí văn phòng chính và các văn phòng hiện trường. Đối với các dự án nhóm B, C, văn phòng chính có thể kiêm nhiệm vụ của một văn phòng hiện trường. Tùy theo mức độ phức tạp và quy mô của từng dự án và từng gói thầu mà bố trí số lượng văn phòng hiện trường để mỗi văn phòng hiện trường có thể quản lý từ 1 — 3 gói thầu.(tương ứng với 1- 3 nhóm giám sát gói thầu).
3. Mỗi văn phòng phải có ít nhất : 01 kỹ sư chuyên ngành XDGT phù hợp, 01 kỹ sư vật liệu, 01 kỹ sư kinh tế hoặc kinh tế XD và các kỹ sư chuyên ngành khác tùy thuộc vào quy mô, tính chất đặc điểm và khối lượng thực hiện của dự án, gói thầu.
4. Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng, mỗi gói thầu phải bố trí phù hợp với tiến độ xây dựng (dự án, gói thầu) và phải được Ban QLDA hoặc chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của TVGS trưởng.

II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VĂN PHÒNG TVGS ĐỐI VỚI DỰ ÁN XDGT NHÓM B

A. Sơ đồ bố trí các văn phòng TVGS



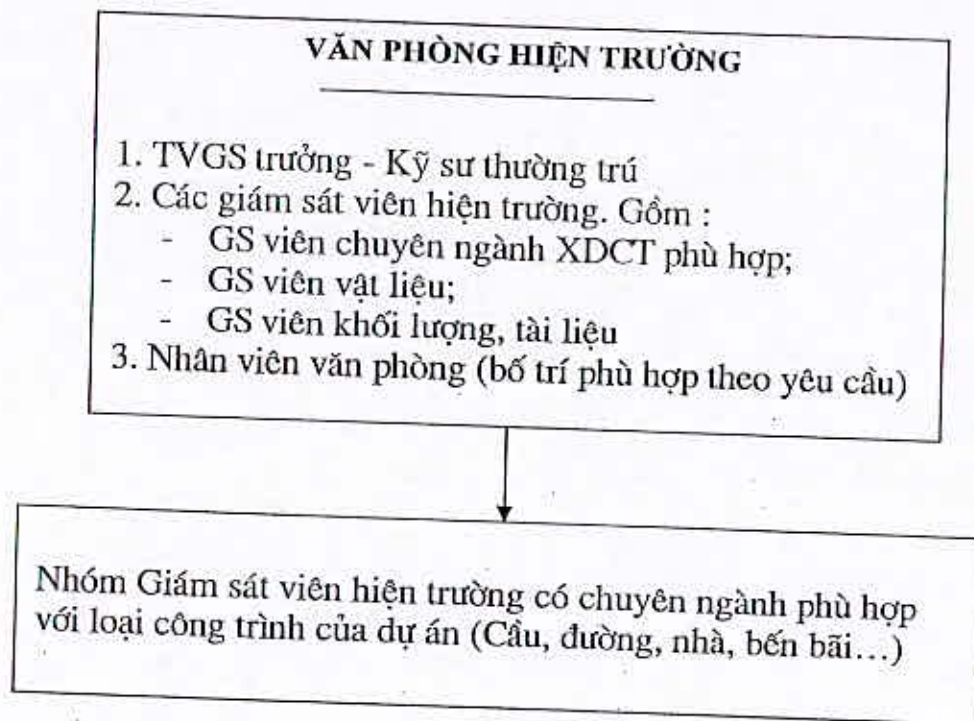
B. Cơ cấu nhân sự phòng TVGS dự án XDGT

VĂN PHÒNG HIỆN TRƯỞNG	VĂN PHÒNG GÓI THẦU
1. TVGS TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DA) 2. BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN : - Kỹ sư chuyên ngành XD công trình (cầu, đường bộ, cảng, đường sắt, xây dựng dân dụng) phù hợp với loại công trình trong Dự án. - Kỹ sư chuyên ngành khác: kỹ sư vật liệu, địa chất, thủy văn, môi trường, an toàn giao thông, điện, thông tin, tín hiệu... - Kỹ sư quản lý khối lượng, chi phí tài liệu: kỹ sư kinh tế, kinh tế XD 3. BỘ PHẬN VĂN PHÒNG : Các nhân viên bố trí phù hợp theo yêu cầu	- Kỹ sư chuyên ngành XD công trình phù hợp loại công trình, hạng mục của các gói thầu được giao. - Kỹ sư vật liệu. - Kỹ sư chuyên ngành khác (nếu cần). - Kỹ sư quản lý khối lượng, chi phí tài liệu. - Các Giám sát viên.

Ghi chú :

1. Nguyên tắc điều hành Dự án theo PM, tư vấn giám sát trưởng có thể kiêm kỹ sư thường trú.
2. Văn phòng hiện trường quản lý tối đa 3 gói thầu và có thể trực tiếp quản lý một gói thầu.
3. Số lượng và cơ cấu nhân sự trong mỗi văn phòng phải bố trí phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và phải được Ban QLDA hoặc chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của TVGS trưởng.
4. Văn phòng hiện trường phải có ít nhất : 01 kỹ sư chuyên ngành XDGT phù hợp, 01 kỹ sư vật liệu, 01 kỹ sư kinh tế hoặc kinh tế XD và các kỹ sư chuyên ngành khác tùy thuộc vào quy mô, tính chất đặc điểm và khối lượng thực hiện của dự án, gói thầu

III. MÔ HÌNH TỔ CHỨC VĂN PHÒNG TVGS - CÔNG TRÌNH XDGT NHÓM C



GHI CHÚ:

1. Kỹ sư thường trú là tư vấn giám sát trưởng (giám đốc điều hành).
2. Số lượng và cơ cấu nhân sự phải bố trí phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và phải được Ban QLDA hoặc chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở đề xuất và trình của TVGS trưởng.